

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 7 năm 2024
(V/v: Xác định cha cho con)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Dũng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phạm

2. Bà Bùi Thị Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án thụ lý số: 188/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc: “Xác định cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1994 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Đội X, xóm N, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Tạ Đức T, sinh năm 1993 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Đội X, xóm N, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (Vắng mặt lần thứ hai).

Địa chỉ: Khu Y, xã C X, huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang ở Đà Loan.

2. Bà Đinh Thị B, sinh năm 1965 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu Y, xã C X, huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn Chị Phạm Thị T trình bày:*

Chị và Anh Nguyễn Văn T đã ly hôn theo Bản án số 36/2023/HNGĐ-ST ngày 05/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Tại bản án hôn nhân gia đình số: 36/2023/HNGĐ-ST ngày 05/6/2023 của TAND tỉnh Phú Thọ đã quyết định giao cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị Lan A và cháu Nguyễn Thị T.

Ngoài ra trong thời kì hôn nhân chị còn có 01 con riêng, sinh ngày 30/12/2022, tại Trung tâm y tế huyện L T, hiện chưa làm giấy khai sinh. Tên dự sinh là Tạ Bích N. Tại thời điểm giải quyết ly hôn chị không đề nghị toà án giải quyết xác định cháu N là con riêng của chị.

Nay chị làm đơn đề nghị TAND tỉnh Phú Thọ xác nhận Anh Tạ Đức T, sinh năm 1993, trú tại Đội X, xóm N, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ là cha đẻ của cháu Tạ Bích N.

** Bị đơn Anh Tạ Đức T trình bày:*

Tôi và Chị Phạm Thị T có mối quan hệ quen biết và tình cảm. Sau đó Chị T sinh được một cháu gái tên dự sinh là Tạ Bích N, sinh ngày 30/12/2022. Trong thời gian sinh cháu N, Chị T vẫn là vợ của Anh Nguyễn Văn T, chưa ly hôn.

Tôi xác định cháu Tạ Bích N, sinh ngày 30/12/2022 là con chung của tôi và Chị Phạm Thị T. Nay Chị T khởi kiện đề nghị Tòa án xác định cháu N là con chung của tôi và Chị T. Tôi có quan điểm nhất trí, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Văn T hiện đang ở nước ngoài thể hiện tại công văn số: 28341/QLXNC-P3 ngày 27/10/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định Anh T đã xuất cảnh ngày 02/10/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do Chị T không biết địa chỉ của Anh T ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của Bà Đinh Thị B là mẹ đẻ của Anh T và được Bà B cung cấp như sau: Hiện tại Anh T đang ở Đài Loan địa chỉ cụ thể anh không biết. Nhưng bà và Anh T vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại Zalo, Facebook, Bà B đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho Anh T và yêu cầu anh cung cấp địa chỉ của Anh T ở nước ngoài, bà đã thông báo cho Anh T biết xong Anh T không cung cấp địa chỉ cho bà để cung cấp cho Tòa án. Thông qua điện thoại bà đã trao đổi nội dung Chị T đề nghị xác định cha cho con riêng của Chị T là cháu Tạ Bích N, Anh T có quan điểm anh và Chị T đã ly hôn xong tại Tòa, không có liên quan gì đến cháu N là con chung của Chị T và Anh T vì anh chị đã ly thân nhiều năm trước. Anh T và Chị T chỉ có 2 con chung là cháu Nguyễn Thị Lan A sinh ngày

19/10/2015 và cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 30/10/2017, ngoài ra không còn con chung nào khác. Việc Chị T có con riêng với Anh T anh không có ý kiến và không đề nghị gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 101 và Khoản 2 Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị T.

Xác nhận cháu Tạ Bích N, sinh ngày 30/12/2022 là con chung của Chị Phạm Thị T và Anh Tạ Đức T.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn Anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Chị Phạm Thị T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xác định Anh Tạ Đức T là cha đẻ của cháu Tạ Bích N. Trong vụ án có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng là Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu Y, xã C X, huyện L T, tỉnh Phú Thọ. Theo Công văn số: 28341/QLXNC-P3 ngày 27/10/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định Anh T đã xuất cảnh ngày 02/10/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng:

Chị T chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của Anh T mà không cung cấp được địa chỉ Anh T ở chỗ nào tại nước ngoài, Tòa án đã thông qua thân nhân của Anh T là Bà Đinh Thị B là mẹ của Anh T thì thấy gia

đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không biết địa chỉ cụ thể của Anh T ở đâu tại nước ngoài, bản thân Anh T không cung cấp địa chỉ mặc dù đã được Bà B thông báo. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn nên cần xác định đây là trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại phiên tòa Chị T, Anh T, Bà B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

Chị T trình bày Anh T là cha đẻ của cháu Tạ Bích N, quá trình giải quyết vụ án, Chị T cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ Kết luận giám định số: KQ 20689623 ngày 28/8/2023 của Công ty TNHH dịch vụ khoa học kỹ thuật GENPRO đã kết luận: Anh Tạ Đức T và cháu Tạ Bích N có quan hệ huyết thống cha-con. Anh T cũng nhất trí kết luận giám định ADN. Do vậy, có đủ căn cứ xác định Anh T là cha đẻ cháu Tạ Bích N. Yêu cầu khởi kiện của Chị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

Khi sinh cháu N ra Chị T, Anh T dự định đặt tên cho cháu là Tạ Bích N. Chị T và Anh T đều đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ quyết định trong bản án cháu Tạ Bích N là con của Anh T và Chị T. Chị T và Anh T có nghĩa vụ làm giấy khai sinh cho cháu Tạ Bích N như tên dự sinh và theo quyết định của bản án. Xét thấy, đề nghị của Chị T và Anh T phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Chị T được chấp nhận nên Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 4 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 89, 90, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102, 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị T.

2. Xác định Anh Tạ Đức T, sinh năm 1993; trú tại: Đội X, xóm N, xã T V, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ là cha đẻ của cháu Tạ Bích N, sinh ngày 30/12/2022, theo giấy chứng sinh ngày 30/12/2022 của Trung tâm y tế huyện L T.

3. Về án phí: Anh Tạ Đức T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Chị T 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0000060 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự cư trú ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Đương sự;
- UBND xã T V;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tiến Dũng

